

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 02/12/2020
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983. Có mặt.

ĐKKHKT: Số 4/16/409 B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Phố V, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình V**, sinh năm 1973. Vắng mặt.

ĐKKHKT và nơi cư trú: Số 4/16/409 B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 26/02/2001. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu chung sống do tuổi tác chênh lệch, quan điểm sống và tính cách khác nhau. Anh V không có trách nhiệm với vợ con, chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị góp ý nhưng anh V không sửa đổi mà còn thường xuyên vô cớ gây sự chửi mắng, đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và ngày càng trầm trọng nhưng

không có biện pháp khắc phục nên cuộc sống căng thẳng, tình cảm rạn nứt. Vì cuộc sống không hạnh phúc và không thể chấp nhận được cách sống của anh V nên chị đã thuê nhà ở riêng từ tháng 4/2020 và khởi kiện xin ly hôn anh V. Sau khi được Tòa án phân tích, động viên và vì thương các con nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng vẫn không nói chuyện hòa hợp được và không đoàn tụ với nhau thời gian nào. Anh V vẫn tiếp tục gây sự, chửi bới chị. Nay chị không còn niềm tin và không còn tình cảm với anh V nên chị xin ly hôn anh V.

Chị và anh V có hai con chung là Nguyễn Hoàng M- sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Ngọc A- sinh ngày 15/9/2009. Cháu M đã thành niên nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn đề nghị và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đình V trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Anh xác định cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, xích mích do tính cách chị T thay đổi. Chị T thường hay so sánh kinh tế của gia đình mình với kinh tế của gia đình khác và có lời nói, thái độ coi thường chồng vì không làm ra kinh tế như người khác. Thời gian gần đây, chị T không chung thủy với anh, có mối quan hệ trên mức bạn bè với người khác giới. Anh đã tìm gọi nhưng chị T không về đoàn tụ với anh. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng không có biện pháp nào khác để thuyết phục chị T thay đổi quan điểm, không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng các con.

Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng M- sinh ngày 03/10/2002 và Nguyễn Ngọc A- sinh ngày 15/9/2009. Cháu M đã thành niên nên anh nhất trí không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Qua xác minh, đại diện khu dân cư nơi anh V sinh sống phản ánh vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Các cháu Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Ngọc A đều phản ánh trong khoảng thời gian cùng chung sống với nhau thì anh V, chị T thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị T được ly hôn anh V. Giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau; anh V không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con và thường xuyên vô cớ chửi mắng, thậm chí có lần còn đánh đuổi chị. Anh V thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xích mích do chị T thay đổi tính cách, thường hay so sánh kinh tế của nhà mình với nhà khác, không tôn trọng anh và không chung thủy với anh. Tuy các bên đương sự trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thể hiện cuộc sống chung không hòa hợp và thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt trong nhiều tháng nay. Anh V đề nghị được đoàn tụ nhưng trước và sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì chính anh lại gửi những tin nhắn điện thoại cho chị T có nội dung không tin tưởng và xúc phạm chị T. Quá trình làm việc với Tòa án, bản thân anh V cũng xác định không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nhận thấy hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần xử cho chị T được ly hôn anh V.

[2] *Về con chung*: Các đương sự không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đã thành niên là Nguyễn Hoàng M- sinh ngày 03/10/2002 nên HĐXX không xem xét. Chị T và anh V đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A- sinh ngày 15/9/2009 cho tới khi thành niên là chính đáng nhưng việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy cháu A là con gái, đang trong thời kỳ phát triển về tâm lý, sinh lý nên rất cần sự quan tâm, hướng dẫn của người mẹ. Bản thân cháu A có nguyện vọng xin ở với chị T và trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị T luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Vì vậy cần giao cháu A cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc A- sinh ngày 15/9/2009 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Nguyễn Đình V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0002501 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy